TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HSST
Ngày: 12-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lữ Khắc Hồi.
2. Bà Trần Thanh Duyên.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lôi Vĩnh Trí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/HSST ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thành L, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2006.

Nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Trần Văn P, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1976. Anh chị em ruột: Không có; Vợ, con: Không có. Tiền án, Tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/4/2024 cho đến nay tại ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thành L: Bà Trần Thị H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T – Thuộc Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị hại: Anh Thạch Huy C, sinh năm 1992 (Có mặt)
Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1/ Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1997 (Vắng mặt có đơn xin xét mặt)
Nơi cư trú: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
2/ Bà Vương Thị Thu H1, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Số B, Đường T, Tổ H, ấp P, xã P, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người phiên dịch: Ông Nhan S, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Vật chứng đưa ra xét xử tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ, ngày 13/7/2023, bị cáo L điều khiển xe mô tô hai bánh RGV, sơn màu đỏ - đen, mang biển số 59H1-246.72, chở anh Nguyễn Quốc T ngồi phía sau từ nhà chạy đến ấp C, xã T, huyện T. Lúc này, bị cáo L điều khiển xe chạy trên Hương lộ A trước chùa T2, xã S, huyện C rồi bị cáo L di chuyển theo hướng Quốc lộ F về xã T, huyện T, khi bị cáo L chạy qua khỏi chùa T2 được một đoạn thì bị cáo L và anh T phát hiện anh C, điều khiển xe mô tô mang biển số 84D1-212.84 đang chạy chiều ngược lại. Lúc này, bị cáo L nhìn thấy anh C điều khiển xe chạy lảo đảo trên đường, lúc chạy ở phần đường bên phải, lúc chạy ở phần đường bên trái, thấy vậy anh T kêu bị cáo L ngừng xe lại nhưng bị cáo L không ngừng mà tiếp tục điều khiển xe chạy về phía trước, bị cáo L nghĩ rằng nếu tiếp tục điều khiển xe chạy ở phần đường bên phải của bị cáo L thì sẽ xảy ra va chạm với xe mô tô ngược chiều nên bị cáo L điều khiển xe chạy sang phần đường bên trái theo chiều đi của bị cáo L để tránh xe ngược lại. Tuy nhiên, khi hai xe đến gần thì anh C không chạy ở bên phần đường bên phải của bị cáo L mà điều khiển xe chạy ở phần đường bên phải theo chiều đi của anh C. Lúc này, do bị cáo L đang điều khiển xe chạy trên phần đường này với tốc độ nhanh nên không xử lý kịp nên đã va chạm với xe anh C làm cho bị cáo L và anh C ngã xuống đường bất tỉnh. Sau đó, cả hai được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh T cấp cứu và điều trị. Do anh C bị thương nặng được gia đình chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố H tiếp tục điều trị, đến ngày 28/7/2023 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 17/2024/KLTTCT-TTPY ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh T đối với anh C kết luận như sau:

1. Các kết quả chính:

- Bị hại Chạch bị chấn thương phức hợp mũi - sàng (vỡ kín mũi- sàng-bướm). Tỷ lệ 36%; Dập não xuất huyết trán phải, đã điều trị, còn hình ảnh tổn thương. Tỷ lệ 26%; Gãy cả xương hàm trên và xương hàm dưới. Tỷ lệ 20%; Nứt sọ trán phải. Tỷ lệ 11%; Gãy hốc mắt hai bên. Tỷ lệ 5%; Dập phổi hai bên đã điều trị, không còn hình ảnh tổn thương. Tỷ lệ 6%; Sẹo trung bình giữa vùng trán. Tỷ lệ 6%; Sẹo trung bình vùng ngực trái. Tỷ lệ 2%; Sẹo nhỏ vùng môi bên trái. Tỷ lệ 2%; Sẹo nhỏ vùng giữa hai cung mày. Tỷ lệ 3%; Sẹo nhỏ vùng đầu mày trái. Tỷ lệ 3%; Sẹo nhỏ vùng chính mũi. Tỷ lệ 3%; Sẹo vùng ngách lợi dưới từ R. Tỷ lệ 1%.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân anh C là 76%, theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh có quyết định trưng cầu giám định số 172/QĐ-ĐTTH ngày 02/4/2024 trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định số khung, số máy của xe mô tô 59H1-246.72.

Tại Bản Kết luận giám định số 173/KL-KTHS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Phòng K kết luận:

- Số khung trước giám định: Dãy kí tự đóng dưới yên xe: RU13BLWJ602662, dãy kí tự đóng trên cổ xe: BE13B-TH136381. Số khung sau giám định: 02 dãy kí tự nêu trên hiện tại không phát hiện bị sửa chữa, đóng lại, cắt hàn tháp.

- Số máy trước giám định: F125ID606990. Số máy sau giám định: Bị sửa chữa, đóng lại.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-ĐGTS ngày 30/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 84D1-212.84, màu sơn đen đỏ, số máy 55P1412863, số khung 5P10EY412854, xe mua mới và đăng kí lần đầu vào ngày 09/7/2014 với tổng số tiền 8.250.000 đồng *(Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).*

Đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, trải nhựa, có vạch kẻ tim đường đứt quãng để phân chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt. Đoạn đường không có biển báo hiệu đường bộ, mặt đường rộng 05m00.

Qua khám nghiệm hiện trường và kết quả điều tra, xác định lỗi chính trong vụ tai nạn giao thông là do bị cáo L điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59H1-246.72 đi không đúng phần đường. Ngoài ra, bị cáo L điều khiển xe tham gia giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe hạng A1 và bị cáo L điều khiển xe mà trong hơi thở có nồng độ cồn (kết quả đo 0.03 miligam/1 lít khí thở). Hành vi của bị cáo L đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9, chương II; khoản 9 Điều 8 Chương I của Luật giao thông đường bộ năm 2008 và khoản 1 Điều 35, chương VII của Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn.

Khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ quy định: Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng phần đường, làn đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ.

Khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ quy định: Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định.

Khoản 1 Điều 35, chương VII của Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019, sửa đổi bổ sung khoản 8 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 có nội dung: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Đối với bị hại C điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 84D1-212.84 không có giấy phép lái xe hạng A1 và điều khiển xe mà trong hơi thở có nồng độ cồn (kết quả đo 0.35 miligam/ 1 lít khí thở). Hành vi của bị hại C đã vi phạm vào khoản 9 Điều 8, Chương II của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và khoản 1 Điều 35, chương VII của Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019. Đây chỉ là lỗi hành chính không phải nguyên nhân dẫn đến tai nạn. Đồng thời, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh có bản đề nghị về việc

chuyển hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính số 700/ĐN-ĐTTH đề nghị đội Cảnh sát giao thông - trật tự công an huyện C, tỉnh Trà Vinh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị hại Chạch về các hành vi vi phạm nói trên.

Đối với xe mô tô 59H1-246.72 do bị cáo L điều khiển, căn cứ Kết luận giám định số 173/KL-KTHS ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Phòng K, Cơ quan cảnh sát điều tra có công văn yêu cầu Đ Công an huyện cung cấp thông tin dữ liệu đăng kí xe mô tô có số khung RU13BLWJ602662 kết quả trả lời: số khung trên không có trong cơ sở dữ liệu đăng ký quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; đối với số máy F12ID606990 là thuộc xe mô tô 60F2-306.07 của Vũ Trí B, ngụ D, tổ A,KP4, Phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay ông B không có mặt tại địa phương đăng ký thường trú nên không thể tiến hành làm việc được.

Đối với biển số xe 59H1-246.72 là xe mô tô của bà Vương Thị Thu H1, đang quản lý, sử dụng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định xe mô tô mà bị cáo L điều khiển là xe ráp và xe này không phải là vật chứng trong một vụ án hình sự nào khác.

Tình tiết tăng nặng đối với bị cáo L: không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo L tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại với số tiền là 5.000.000đồng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Về vật chứng gồm:

- 02 (Hai) phương tiện gồm: 01 (Một) xe mô tô hai bánh mang biển số 84D1-212. Nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, số khung 5P10EY12854, số máy 55P1412863 và 01 (Một) xe mô tô hai bánh biển số 59H1-246.72 bị hư hỏng do tai nạn giao thông.

Tại bản cáo trạng số: 91/CT-VKS.HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, truy tố bị cáo L về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo L hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 20 giờ, ngày 13/7/2023 bị cáo L điều khiển xe mô tô hai bánh RGV, sơn màu đỏ - đen, mang biển số 59H1-246.72, chở anh T, ngồi phía sau chạy trên Hương lộ A hướng Quốc lộ F về xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đến khu vực thuộc ấp T, xã S, huyện C thì đụng vào xe mô tô mang biển số 84D1-212.84 do bị hại Chạch điều khiển chạy chiều ngược lại. Sau đó, cả hai được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh T cấp cứu và điều trị. Do bị hại C bị thương nặng được gia đình chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy thành phố H để điều trị. Hậu quả bị hại C bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 76%. Bị cáo L thừa nhận bị cáo không có giấy phép lái xe hạng A1 và trong hơi thở có nồng độ cồn, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm của vị trợ giúp viên pháp lý người bào chữa cho bị cáo L có ý kiến: Vị Trợ giúp viên pháp lý thống nhất với nội dung bản cáo trạng và bản

luận tội của vị kiểm sát viên về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự áp dụng cho bị cáo L. Tuy nhiên vị Trợ giúp viên pháp lý cho rằng sự việc tai nạn xảy ra cả bị cáo và bị hại điều không mong muốn, trong vụ án này bị cáo, bị hại điều có lỗi là điều khiển xe không có giấy phép lái xe theo quy định và trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định. Vị trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo. Bởi vì khi sự việc xảy ra bị cáo chưa đủ tuổi, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo ở ngoài xã hội để bị cáo lao động kiếm tiền bồi thường khắc phục hậu quả cho bên bị hại.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị cáo L với bị hại C thống nhất mức bồi thường thiệt nại số tiền 166.346.000 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)* và tiền sửa xe 8.250.000 đồng *(Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).* Vị Trợ giúp viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự tự nguyện này giữa bị cáo với bị hại.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thành L mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (S1) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo L, bị cáo gửi lời xin lỗi đến gia đình bị hại và bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng Hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với bản kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm

hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông và báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông của Công an huyện C. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời nhận tội của bị cáo L tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông, báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông của Công an huyện C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh Trà Vinh thu thập được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo L về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo L là nguy hiểm cho xã hội, vì hiện nay vấn đề tai nạn giao thông đang là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương tuyên truyền, phổ biến giáo dục mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông nhằm đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản cho mọi người khi tham gia giao thông, hạn chế mức thấp nhất những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản do tai nạn giao thông gây ra. Trong vụ án này, bị cáo L là người điều khiển phương tiện tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định, trong hơi thở có nồng độ cồn. Bị cáo có ý thức chủ quan, không đảm bảo an toàn dẫn đến gây tai nạn làm bị hại bị thương với tỷ lệ 76%. Bị cáo L đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9, chương II; khoản 9 Điều 8 Chương I của Luật giao thông đường bộ năm 2008 và khoản 1 Điều 35, chương VII của Luật Phòng, chống tác hại của rượu bia năm 2019. Đây là nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn làm bị hại bị thương với tỷ lệ thương tích là 76%

[5] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, tình hình tai nạn giao thông hiện nay đáng lo ngại, không những không kéo giảm mà còn gia tăng do phần lớn ý thức chấp hành luật giao thông của những người tham gia giao thông chưa cao, thường hay chủ quan, đi không đúng tuyến đường, phần đường quy định, không chú ý quan sát phần đường, tránh vượt không đảm bảo quy định…., gây hoang mang lo sợ cho mọi người khi tham gia giao thông.

[6] Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xét xử bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo L, Hội đồng xét xử xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho gia đình người bị hại số tiền là 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng*) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L và tại thời điểm phạm tội bị

cáo L chưa đủ tuổi, sự việc tai nạn xảy ra là ngoài ý muốn của bị cáo và trong sự việc này bị hại C cũng có một phần lỗi.

[8] Xét ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét ý kiến đề nghị của Vị Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo L được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[10] *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Bị hại Thạch Huy C yêu cầu bị cáo L bồi thường chi phí điều trị và các chi phí khác với số tiền 166.346.000 đồng *(Một trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)* và tiền sửa xe 8.250.000 đồng *(Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).* Tổng cộng số tiền là 174.596.000đồng *(Một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*. Bị cáo L đã khắc phục một phần số tiền cho bị hại là 5.000.0000 đồng *(Năm triệu đồng).* Tại phiên tòa bị cáo L thống nhất bồi thường cho bị hại Chạch số tiền còn lại 169.596.000đồng *(Một trăm sáu mươi triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng)* nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này giữa bị cáo với bị hại.

[11] Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ T1 trả lại cho ông Thạch Huy C 01 xe mô tô hai bánh mang biển số 84D1-212. Nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, số khung 5P10EY12854, số máy 55P1412863.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hai bánh biển số 59H1-246.72.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thành L phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*".

Xử phạt bị cáo Trần Thành L 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586, 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo L bồi thường các khoản chi phí điều trị và các chi phí khác cho bị hại C với số tiền số tiền là 174.596.000đồng *(Một trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*. Nhưng bị cáo L đã nộp khắc phục tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh số tiền là 5.000.000đồng *(Năm triệu đồng)*. Số tiền còn lại mà bị cáo L phải bồi thường cho bị hại C là 169.596.000đồng *(Một trăm sáu mươi chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).*

3. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ T1 trả lại cho Thạch H2 Chạch 01 xe mô tô hai bánh mang biển số 84D1-212. Nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, số khung 5P10EY12854, số máy 55P1412863.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 xe mô tô hai bánh biển số 59H1 - 246.72.

4. ***Về án phí hình sự sơ thẩm:*** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Trần Thành L phải nộp số tiền là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và số tiền là 8.729.800 đồng (*Tám triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn tám trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xét xử công khai báo cho bị cáo và bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Liên